TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ R** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 27/8/2024
Về việc "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ R, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Công

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đinh Văn Liêm

Bà Võ Thị Diệu Thảo

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố R.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố R tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Nhật - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố R xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 74/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2024 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Kim C, sinh năm: 1978; Nơi cư trú: Tổ dân phố NM, phường BN, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa. (Bà C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Xuân Đài, sinh ngày: 14/7/1977; Nơi cư trú: Tổ dân phố NM, phường BN, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố R. (Ông Đcó đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/7/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Kim C trình bày:* Bà và ông Nguyễn Xuân Đ tự nguyện tìm hiểu, kết hôn, chung sống và được Ủy ban nhân dân phường BN, thị xã R (nay là thành phố R) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 68, quyển số 01 ngày 14/5/2001. Nguyên nhân dẫn đến ly hôn do vợ chồng không hợp tính tình, thường xuyên kình cãi, vợ chồng sống không hạnh phúc. Năm 2021, bà C có làm đơn yêu cầu ly hôn ông Đ nhưng vì con bà đã cho ông Đ cơ hội và rút đơn khởi kiện. Hiện nay, ông Đ đang bị tạm giam tại Công an thành phố R. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Đ.

- Về con chung: Bà và ông Đcó 02 con chung Nguyễn Hoàng Trúc L, sinh ngày: 14 tháng 9 năm 2001 và Nguyễn Hoàng Trúc I, sinh ngày: 13 tháng 6 năm 2012. Bà yêu cầu được nuôi con chung chưa thành niên I và không yêu cầu ông

Đ cấp dưỡng nuôi con chung chưa thành niên. Con chung L đã thành niên nên bà không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại Biên bản lấy lời khai ngày 02/8/2024, bị đơn ông Nguyễn Xuân Đ trình bày:* Ông và bà C tự nguyện tìm hiểu kết hôn, chung sống với nhau và được Ủy ban nhân dân phường BN cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2001. Trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mẫu thuẫn nhưng không lớn. Năm 2021, bà C có làm đơn ly hôn với ông nhưng sau đó đã rút đơn.

Ông và bà C có 02 con chung đúng như bà C trình bày. Ông Đ đồng ý giao con chung chưa thành niên cho bà C nuôi dưỡng và ông không cấp dưỡng nuôi con. Con chung đã thành niên ông không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố R:*

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký chấp hành đầy đủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Kim C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án hôn nhân gia đình về "Ly hôn" mà bị đơn có nơi đăng ký thường trú tại thành phố R theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố R.

[1.2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Kim C và ông Nguyễn Xuân Đ tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau và được Ủy ban nhân dân phường BN, thị xã R (nay là thành phố R) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 68, quyển số 01 ngày 14/5/2001 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Qua lời khai của nguyên đơn, bị đơn có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn không hạnh phúc, có nhiều mâu thuẫn; vào ngày

22/6/2021 nguyên đơn làm đơn yêu cầu ly hôn bị đơn, đến ngày 08/7/2021 Tòa án nhân dân thành phố R ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 49, lý do nguyên đơn tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện; nay nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn, bị đơn đồng ý. Như vậy, mục đích hôn nhân của nguyên đơn và bị đơn không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho ly hôn với bị đơn.

[2.2] Về con chung: Bà C yêu cầu được nuôi con chung chưa thành niên Nguyễn Hoàng Trúc I, sinh ngày: 13 tháng 6 năm 2012; ông Đ đồng ý.

Xét: Việc giao con cho ai nuôi dưỡng, giáo dục sau khi bố mẹ ly hôn là nhằm phát triển tốt cho con cả về mặt thể chất lẫn tinh thần. Cháu I là nữ, có nguyện vọng sống với mẹ nên xuất phát từ lợi ích mọi mặt của con chung chưa thành niên, theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình, cần giao con chung chưa thành niên cho cho bà C nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung chưa thành niên: Bà C không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

Con chung Nguyễn Hoàng Trúc L, sinh ngày: 14 tháng 9 năm 2001 đã thành niên, nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.3] Về tài sản chung: Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: Bà C phải nộp án phí Dân sự sơ thẩm cụ thể 300.000 đồng về "Ly hôn".

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

<u>Tuyên xử:</u> Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Kim C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Kim C được ly hôn ông Nguyễn Xuân Đ.

2. Về con chung: Giao con chung chưa thành niên Nguyễn Hoàng Trúc I, sinh ngày: 13 tháng 6 năm 2012 cho bà Trần Thị Kim C được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục sau khi ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Trần Thị Kim C không yêu cầu ông Nguyễn Xuân Đ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

Con chung Nguyễn Hoàng Trúc L, sinh ngày: 14 tháng 9 năm 2001 đã thành niên, bà Trần Thị Kim C và ông Nguyễn Xuân Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung: Bà Trần Thị Kim C và ông Nguyễn Xuân Đ không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về án phí: Bà Trần Thị Kim C phải nộp án phí Dân sự sơ thẩm 300.000 đồng về "Ly hôn" nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004811 ngày 16/7/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố R. Vậy, bà Trần Thị Kim C đã nộp đủ án phí Dân sự sơ thẩm.

5. Bà Trần Thị Kim C, ông Nguyễn Xuân Đ có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tống đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND t.p R;
- CCTHADS t.p R;
- UBND phường BN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Hồng Công